

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
1	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511285	正取 - Chính thức
2	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512104	正取 - Chính thức
3	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511921	正取 - Chính thức
4	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512070	正取 - Chính thức
5	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511717	正取 - Chính thức
6	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512029	正取 - Chính thức
7	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512212	正取 - Chính thức
8	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512162	正取 - Chính thức
9	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511830	正取 - Chính thức
10	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511958	正取 - Chính thức
11	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512217	正取 - Chính thức
12	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511931	正取 - Chính thức
13	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512225	正取 - Chính thức
14	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512176	正取 - Chính thức
15	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511914	正取 - Chính thức
16	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512239	正取 - Chính thức
17	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512254	正取 - Chính thức
18	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511820	正取 - Chính thức

臺 北 城 市 科 技 大 學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
19	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511926	正取 - Chính thức
20	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512109	正取 - Chính thức
21	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511194	正取 - Chính thức
22	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512129	正取 - Chính thức
23	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511779	正取 - Chính thức
24	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511868	正取 - Chính thức
25	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511989	正取 - Chính thức
26	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511945	正取 - Chính thức
27	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511390	正取 - Chính thức
28	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511721	正取 - Chính thức
29	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511239	正取 - Chính thức
30	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511913	正取 - Chính thức
31	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512165	正取 - Chính thức
32	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512260	正取 - Chính thức
33	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511790	正取 - Chính thức
34	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512203	正取 - Chính thức
35	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511660	正取 - Chính thức
36	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511192	正取 - Chính thức

臺 北 城 市 科 技 大 學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
37	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511189	正取 - Chính thức
38	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512155	正取 - Chính thức
39	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512169	正取 - Chính thức
40	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511412	正取 - Chính thức
41	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512147	正取 - Chính thức
42	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511680	正取 - Chính thức
43	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512153	正取 - Chính thức
44	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512086	正取 - Chính thức
45	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512229	正取 - Chính thức
46	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511735	正取 - Chính thức
47	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511912	正取 - Chính thức
48	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511732	正取 - Chính thức
49	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511602	正取 - Chính thức
50	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512253	正取 - Chính thức
51	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511981	正取 - Chính thức
52	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511510	正取 - Chính thức
53	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512177	正取 - Chính thức
54	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512232	正取 - Chính thức

臺 北 城 市 科 技 大 學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
55	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512259	正取 - Chính thức
56	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511976	正取 - Chính thức
57	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511991	正取 - Chính thức
58	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511990	正取 - Chính thức
59	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511743	正取 - Chính thức
60	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511593	正取 - Chính thức
61	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511429	正取 - Chính thức
62	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511985	正取 - Chính thức
63	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512018	正取 - Chính thức
64	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512304	正取 - Chính thức
65	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511975	正取 - Chính thức
66	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511769	正取 - Chính thức
67	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511875	正取 - Chính thức
68	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511603	正取 - Chính thức
69	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511770	正取 - Chính thức
70	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511193	備取 Dự bị 1
71	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512198	備取 Dự bị 2
72	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511838	備取 Dự bị 3

臺 北 城 市 科 技 大 學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
73	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511800	備取 Dự bị 4
74	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511283	備取 Dự bị 5
75	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512306	備取 Dự bị 6
76	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511498	備取 Dự bị 7
77	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512201	備取 Dự bị 8
78	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511823	備取 Dự bị 9
79	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512001	備取 Dự bị 10
80	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512242	備取 Dự bị 11
81	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511966	備取 Dự bị 12
82	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511169	備取 Dự bị 13
83	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511801	備取 Dự bị 14
84	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511788	備取 Dự bị 15
85	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511799	備取 Dự bị 16
86	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511885	備取 Dự bị 17
87	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511413	備取 Dự bị 18
88	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512228	備取 Dự bị 19
89	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512010	備取 Dự bị 20
90	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512280	備取 Dự bị 21

臺 北 城 市 科 技 大 學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
91	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511681	備取 Dự bị 22
92	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511159	備取 Dự bị 23
93	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512015	備取 Dự bị 24
94	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512166	備取 Dự bị 25
95	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512038	備取 Dự bị 26
96	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512209	備取 Dự bị 27
97	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512016	備取 Dự bị 28
98	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512025	備取 Dự bị 29
99	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512037	備取 Dự bị 30
100	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512187	備取 Dự bị 31
101	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512202	備取 Dự bị 32
102	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511950	備取 Dự bị 33
103	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511778	備取 Dự bị 34
104	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511882	備取 Dự bị 35
105	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511863	備取 Dự bị 36
106	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512208	備取 Dự bị 37
107	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511677	備取 Dự bị 38
108	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512043	備取 Dự bị 39

臺 北 城 市 科 技 大 學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
109	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511818	備取 Dự bị 40
110	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511963	備取 Dự bị 41
111	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512019	備取 Dự bị 42
112	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512269	備取 Dự bị 43
113	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512066	備取 Dự bị 44
114	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511278	備取 Dự bị 45
115	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512126	備取 Dự bị 46
116	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511980	備取 Dự bị 47
117	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511777	備取 Dự bị 48
118	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512095	備取 Dự bị 49
119	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512164	備取 Dự bị 50
120	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511997	備取 Dự bị 51
121	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512277	備取 Dự bị 52
122	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512244	備取 Dự bị 53
123	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511756	備取 Dự bị 54
124	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511836	備取 Dự bị 55
125	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512197	備取 Dự bị 56
126	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511902	備取 Dự bị 57

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
127	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511908	備取 Dự bị 58
128	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511709	備取 Dự bị 59
129	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511469	備取 Dự bị 60
130	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511727	備取 Dự bị 61
131	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511984	備取 Dự bị 62
132	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511839	備取 Dự bị 63
133	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1512028	備取 Dự bị 64
134	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511359	備取 Dự bị 65
135	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511608	備取 Dự bị 66
136	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511710	備取 Dự bị 67
137	行銷與流通管理系 Marketing & Logistics	1511934	備取 Dự bị 68
138	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511464	正取 - Chính thức
139	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511816	正取 - Chính thức
140	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511932	正取 - Chính thức
141	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512219	正取 - Chính thức
142	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511841	正取 - Chính thức
143	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511956	正取 - Chính thức
144	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511212	正取 - Chính thức

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
145	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511420	正取 - Chính thức
146	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512044	正取 - Chính thức
147	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512179	正取 - Chính thức
148	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511892	正取 - Chính thức
149	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512298	正取 - Chính thức
150	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512297	正取 - Chính thức
151	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511860	正取 - Chính thức
152	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512116	正取 - Chính thức
153	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512064	正取 - Chính thức
154	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511196	正取 - Chính thức
155	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511982	正取 - Chính thức
156	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511767	正取 - Chính thức
157	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511243	正取 - Chính thức
158	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512128	正取 - Chính thức
159	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511917	正取 - Chính thức
160	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511472	正取 - Chính thức
161	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511955	正取 - Chính thức
162	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511250	正取 - Chính thức

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
163	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511186	正取 - Chính thức
164	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511948	正取 - Chính thức
165	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512065	正取 - Chính thức
166	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511550	正取 - Chính thức
167	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512160	正取 - Chính thức
168	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511274	正取 - Chính thức
169	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512183	正取 - Chính thức
170	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511935	正取 - Chính thức
171	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511284	正取 - Chính thức
172	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511987	正取 - Chính thức
173	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511190	正取 - Chính thức
174	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512188	正取 - Chính thức
175	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511949	正取 - Chính thức
176	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512006	正取 - Chính thức
177	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511476	正取 - Chính thức
178	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511792	正取 - Chính thức
179	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511183	正取 - Chính thức
180	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512007	正取 - Chính thức

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
181	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511983	正取 - Chính thức
182	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512214	正取 - Chính thức
183	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512118	正取 - Chính thức
184	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511318	正取 - Chính thức
185	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511370	正取 - Chính thức
186	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512231	正取 - Chính thức
187	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511782	正取 - Chính thức
188	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511771	正取 - Chính thức
189	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512081	正取 - Chính thức
190	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511876	正取 - Chính thức
191	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511726	正取 - Chính thức
192	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511279	正取 - Chính thức
193	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511974	正取 - Chính thức
194	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512110	正取 - Chính thức
195	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511533	正取 - Chính thức
196	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511181	正取 - Chính thức
197	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512108	正取 - Chính thức
198	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511954	正取 - Chính thức

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
 國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
199	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511541	正取 - Chính thức
200	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511187	正取 - Chính thức
201	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511930	正取 - Chính thức
202	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512302	正取 - Chính thức
203	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511485	正取 - Chính thức
204	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511944	正取 - Chính thức
205	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511789	正取 - Chính thức
206	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511979	正取 - Chính thức
207	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512186	備取 Dự bị 1
208	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511840	備取 Dự bị 2
209	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511998	備取 Dự bị 3
210	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511536	備取 Dự bị 4
211	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512307	備取 Dự bị 5
212	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511188	備取 Dự bị 6
213	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511787	備取 Dự bị 7
214	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512161	備取 Dự bị 8
215	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512213	備取 Dự bị 9
216	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512204	備取 Dự bị 10

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
217	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511897	備取 Dự bị 11
218	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511542	備取 Dự bị 12
219	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512235	備取 Dự bị 13
220	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511394	備取 Dự bị 14
221	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511495	備取 Dự bị 15
222	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512226	備取 Dự bị 16
223	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512211	備取 Dự bị 17
224	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511994	備取 Dự bị 18
225	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511198	備取 Dự bị 19
226	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512223	備取 Dự bị 20
227	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511903	備取 Dự bị 21
228	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512002	備取 Dự bị 22
229	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511776	備取 Dự bị 23
230	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511794	備取 Dự bị 24
231	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511871	備取 Dự bị 25
232	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511255	備取 Dự bị 26
233	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512030	備取 Dự bị 27
234	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511465	備取 Dự bị 28

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
235	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511798	備取 Dự bị 29
236	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511734	備取 Dự bị 30
237	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511467	備取 Dự bị 31
238	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511731	備取 Dự bị 32
239	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511923	備取 Dự bị 33
240	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512014	備取 Dự bị 34
241	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512255	備取 Dự bị 35
242	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512240	備取 Dự bị 36
243	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512035	備取 Dự bị 37
244	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512256	備取 Dự bị 38
245	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511191	備取 Dự bị 39
246	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512189	備取 Dự bị 40
247	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511862	備取 Dự bị 41
248	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512112	備取 Dự bị 42
249	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511355	備取 Dự bị 43
250	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512299	備取 Dự bị 44
251	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511738	備取 Dự bị 45
252	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512276	備取 Dự bị 46

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
253	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512238	備取 Dự bị 47
254	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512098	備取 Dự bị 48
255	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511842	備取 Dự bị 49
256	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512122	備取 Dự bị 50
257	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512000	備取 Dự bị 51
258	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512121	備取 Dự bị 52
259	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512135	備取 Dự bị 53
260	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512261	備取 Dự bị 54
261	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511724	備取 Dự bị 55
262	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512099	備取 Dự bị 56
263	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511750	備取 Dự bị 57
264	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511746	備取 Dự bị 58
265	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512234	備取 Dự bị 59
266	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512020	備取 Dự bị 60
267	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511826	備取 Dự bị 61
268	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512144	備取 Dự bị 62
269	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511358	備取 Dự bị 63
270	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512167	備取 Dự bị 64

臺北城市科技大學
ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀI BẮC
國際專修部招生-2026年秋季班 外國學生 錄取名單
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ 1+4 KỲ MÙA THU NĂM 2026

序號 STT	錄取系別 Khoa/Ngành	申請編號 Mã số báo danh	錄取結果 Kết quả
271	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512150	備取 Dự bị 65
272	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511740	備取 Dự bị 66
273	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511786	備取 Dự bị 67
274	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511873	備取 Dự bị 68
275	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512061	備取 Dự bị 69
276	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511919	備取 Dự bị 70
277	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511500	備取 Dự bị 71
278	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511733	備取 Dự bị 72
279	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511736	備取 Dự bị 73
280	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511962	備取 Dự bị 74
281	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511470	備取 Dự bị 75
282	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512210	備取 Dự bị 76
283	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512157	備取 Dự bị 77
284	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512220	備取 Dự bị 78
285	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511825	備取 Dự bị 79
286	餐飲事業系 Nhà Hàng	1511953	備取 Dự bị 80
287	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512170	備取 Dự bị 81
288	餐飲事業系 Nhà Hàng	1512163	備取 Dự bị 82